

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 96/2022/DS-PT

Ngày 27/4/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 28/02/2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2022/QĐ-PT ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số N, khu phố M, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Cao Hoàng C, sinh năm 1976

2. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1975

3. Chị Cao Thị Ngọc Q, sinh năm 1996

4. Chị Cao Hoàng Q1, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: ấp H, xã HĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số M, tổ M, khu phố T, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Theo Giấy ủy quyền ngày 24/3/2022 (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Bích H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Do quen biết, ngày 01/01/2021 chị T có cho ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 vay 850.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng có làm biên nhận, và hứa khi cần lấy lại tiền thì sẽ trả, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Nhiều lần chị T yêu cầu gia đình ông C trả tiền vốn, lãi nhưng ông C, bà H, chị Q, chị Q1 hứa hẹn mà không thực hiện. Vì vậy, chị Nguyễn Thị T yêu cầu ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 trả số tiền vay là 850.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là 0,83% tháng tính từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tròn 12 tháng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn vắng mặt, nhưng theo biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 (bút lục 15) và tại bản tự khai ngày 03/12/2021(bút lục 10), bị đơn Cao Thị Ngọc Q - đồng thời là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn Cao Hoàng C, Nguyễn Thị Bích H, Cao Hoàng Q1 trình bày:

Số tiền 850.000.000 đồng là do ông C mượn nhiều lần của chị T. Vào ngày 01/01/2021 chị T yêu cầu bà H, chị Q, chị Q1 ký nhận bảo lãnh; thực tế bà H, chị Q, chị Q1 không có mượn tiền của chị T. Nay ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 đồng ý trả số tiền gốc 850.000.000 đồng nhưng do gia đình khó khăn, dịch Covid -19, xin trả dần tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản

2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 trả cho chị Nguyễn Thị T 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) và 84.660.000 đồng (tám mươi bốn triệu sáu trăm sáu chục nghìn đồng) lãi suất, tổng cộng 934.660.000 đồng (Chín trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 phải chịu 40.039.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.230.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001286 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 27/01/2022, bà Nguyễn Thị Bích H có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Đại diện bị đơn Nguyễn Thị Bích H kháng cáo yêu cầu xem xét số tiền lãi ông C đã trả cho chị T từ ngày 21/10/2020 đến ngày 05/02/2021 tổng cộng là 127.500.000 đồng, và việc vay số tiền 850.000.000 đồng là của cá nhân ông C vay, nên bà H không có trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay là 850.000.000 đồng và tiền lãi; Chứng cứ chứng minh yêu cầu là biên nhận mượn tiền ngày 01/01/2021 có chữ ký ghi họ tên của các bị đơn. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc các bị đơn trả vốn và lãi vay tổng cộng là 934.660.000đ là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp chứng cứ nào thêm nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Nguyễn Thị Bích H nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Bích H, nhận thấy:

[3.1] Tại Biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 (bút lục 15) và Bản tự khai ngày 03/12/2021 (bút lục 10), bị đơn Cao Thị Ngọc Q đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Hoàng Q1 xác định: Ông C, bà H, chị Q và chị Q1 có ký tên trong “Biên nhận mượn tiền” ngày 01/01/2021 (bút lục 21); Chị Q thừa nhận nội dung của biên nhận là có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 850.000.000 đồng. Bà H, chị Q và chị Q1 đồng ý liên đới với ông C trả cho chị T số tiền 850.000.000 đồng còn nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà H trình bày: số tiền vay 850.000.000 đồng nợ chị T là số tiền của cá nhân ông C vay, nên bà H không đồng ý cùng ông C trả nợ cho chị T.

Xét: ông C, bà H, chị Q và chị Q1 thừa nhận có ký tên ghi họ tên và lấn tay vào giấy “Biên nhận mượn tiền” ngày 01/01/2021 có nội dung “ Chúng tôi tên: 1.Ông Cao Hoàng C ... 2.Bà Nguyễn Thị Bích H ... 3.Cao Thị Ngọc Q ... 4.Cao Hoàng Q1... Hôm nay ngày 01/01/2021 (19/11/2020 al) chúng tôi có mượn tiền của bà Nguyễn Thị T địa chỉ ... số tiền là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng) để trả tiền nợ đáo hạn ngân hàng và chi tiêu trong gia đình ...” (bút lục 21), qua đó nội dung biên nhận thể hiện ý chí chung của bốn người cùng đứng tên và ký tên khi thực hiện giao dịch vay số tiền 850.000.000 đồng với chị T. Đồng thời, bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện có sự phản đối của mình từ sau ngày ký biên nhận 01/01/2021. Bà H kháng cáo cho rằng bị ép buộc nên ký tên vào biên nhận trên, nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Do đó, bà H cùng chị Q, chị Q1 và ông C có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay còn nợ 850.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích H về số tiền lãi mà ông C đã trả:

Chị T yêu cầu ông C, bà H, chị Q, chị Q1 trả tiền lãi đối với số tiền 850.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (06/01/2022) là tròn 12 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà H đề nghị Tòa án xem xét số tiền lãi ông C đã trả theo ‘Bảng kê và tường trình’ ngày 19/4/2022 của ông C. Theo đó, ông C trình bày: ông C có 05 lần vay tiền của chị T, vay lần đầu vào ngày 21/10/2020 đến ngày 01/01/2021 với tổng số tiền vay là 850.000.000đ, lãi suất 5%tháng, ông C trả tiền lãi theo các lần vay tổng cộng là 127.500.000 đồng.

Nhận thấy, lời trình bày của ông C theo “Bảng kê và tường trình” ngày 19/4/2022 không được phía chị T thừa nhận; chị T khai “Biên nhận mượn tiền”

ngày 01/01/2021 với số tiền vay 850.000.000đ được các bị đơn nhận vào ngày cùng ký biên nhận, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3% tháng và chị T chưa nhận khoản tiền trả lãi nào từ các bị đơn. Phía bà H không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh việc có trả tiền lãi cho chị T nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Mặt khác, do các đương sự không thống nhất mức lãi suất vay, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng để tính số tiền lãi: $850.000.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 84.660.000đ$ tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Xét, ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 cùng thực hiện giao dịch vay tiền của chị T; do ông C, bà H, chị Q, chị Q1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bà H không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nhằm để đảm bảo quyền lợi cho chị T, cần buộc ông C, bà H, chị Q, chị Q1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả tiền vốn vay còn nợ là 850.000.000 đồng và tiền lãi vay 84.660.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Nên bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, cần giữ nguyên; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 06/01/2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vốn vay 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi vay 84.660.000 đồng (Tám mươi bốn triệu sáu trăm sáu chục nghìn đồng), tổng cộng là 934.660.000 đồng (Chín trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm sáu chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Hoàng C, bà Nguyễn Thị Bích H, chị Cao Thị Ngọc Q, chị Cao Hoàng Q1 phải chịu 40.039.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.230.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001286 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001689 ngày 28/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - CCTHADS huyện C;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2022-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt